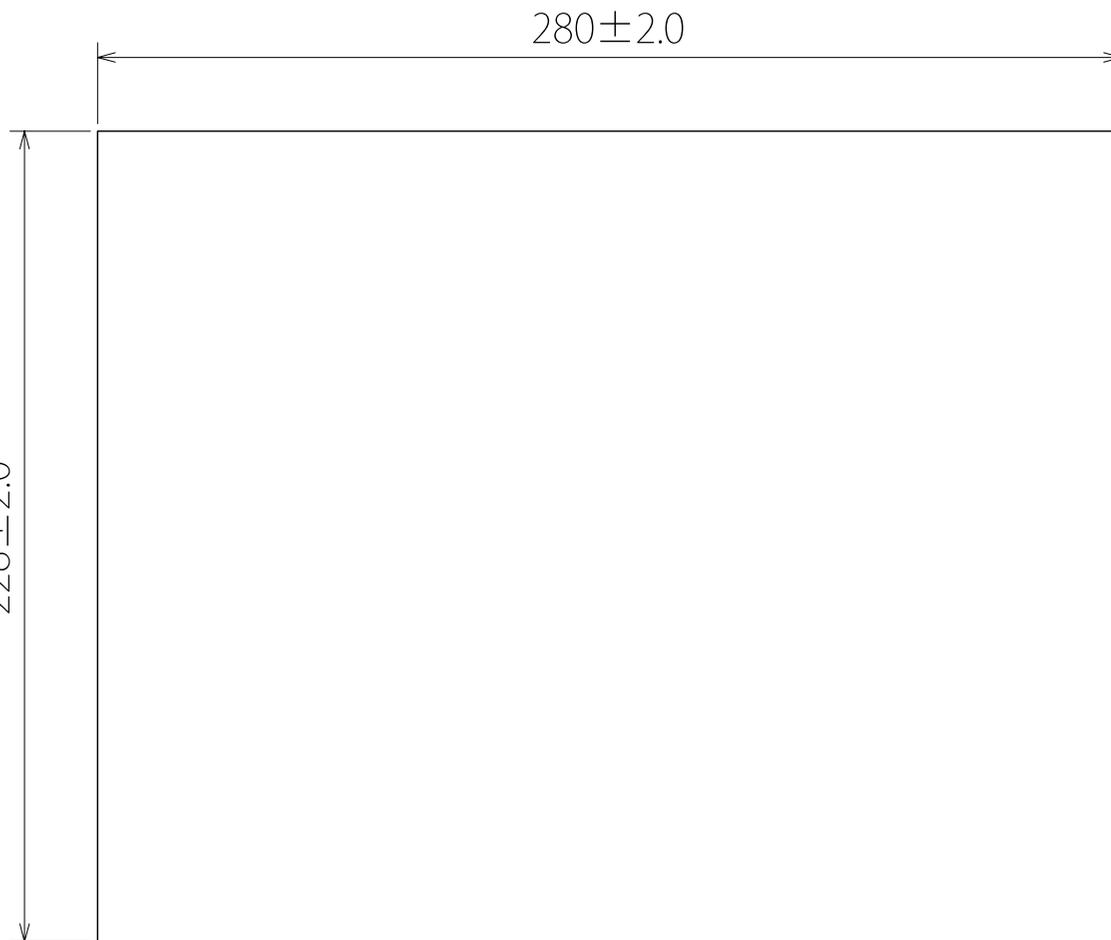


No.	品番	品名
1	TTP-80	TRUSCO耐水ペーパー
2	TTP-100	TRUSCO耐水ペーパー
3	TTP-120	TRUSCO耐水ペーパー
4	TTP-150	TRUSCO耐水ペーパー
5	TTP-180	TRUSCO耐水ペーパー
6	TTP-240	TRUSCO耐水ペーパー
7	TTP-320	TRUSCO耐水ペーパー
8	TTP-400	TRUSCO耐水ペーパー
9	TTP-600	TRUSCO耐水ペーパー
10	TTP-800	TRUSCO耐水ペーパー
11	TTP-1000	TRUSCO耐水ペーパー
12	TTP-1200	TRUSCO耐水ペーパー
13	TTP-1500	TRUSCO耐水ペーパー
14	TTP-2000	TRUSCO耐水ペーパー



備考 _____

承認 検図 設計

TRUSCO トラスコ中山株式会社

設計年月日 H24.3.22

全葉

受入No.

品名 TRUSCO耐水ペーパー
 品番 TTP-0000

Scale
 1 / 2